

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG**

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP**  
**HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

Công trình đã được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Võ Xuân Tiên**

**Phản biện 1: PGS.TS. Bùi Quang Bình**

**Phản biện 2: TS. Lê Bảo**

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 02 năm 2014

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội cung cấp nhiều loại sản phẩm thiết yếu cho đời sống xã hội, là thị trường rộng lớn của nền kinh tế, cung cấp nguồn nhân lực và tạo nên tích lũy ban đầu cho sự nghiệp phát triển của đất nước.

Phát triển bền vững nông nghiệp nhằm tạo dựng một ngành nông nghiệp có cơ cấu kinh tế hợp lý, qua đó phát huy mọi tiềm năng sản xuất, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người nông dân, thực hiện công bằng xã hội và bảo vệ môi trường... Do đó, phát triển bền vững nông nghiệp là rất cần thiết.

Thực trạng phát triển nông nghiệp thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng của huyện Lệ Thủy, vì lẽ đó việc phát triển bền vững nông nghiệp được coi là một yêu cầu cấp thiết tại huyện Lệ Thủy.

Từ vấn đề cấp thiết trên, tác giả chọn đề tài ***“Phát triển bền vững nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”*** làm đề tài nghiên cứu thực sĩ.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển bền vững nông nghiệp.

- Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thời gian qua.

- Đề xuất giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thời gian tới.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### a. Đối tượng

bền vững nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

### ***b. Phạm vi***

- Về nội dung: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Về không gian: Các nội dung trên được tập trung nghiên cứu tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Về thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong 05 năm tới.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện các mục đích nghiên cứu nói trên đề tài sử dụng các phương pháp sau đây:

+ Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc.

+ Phương pháp điều tra, khảo sát, chuyên gia.

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hóa.

+ Các phương pháp khác.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mục lục, mở đầu danh mục tài liệu tham khảo ... đề tài được chia làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển bền vững nông nghiệp

Chương 2: Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thời gian qua

Chương 3: Giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thời gian tới

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

#### ***a. Nghiên cứu ngoài nước***

#### ***b. Nghiên cứu trong nước***

## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

#### 1.1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

##### 1.1.1. Một số khái niệm

###### *a. Nông nghiệp*

Nông nghiệp nếu hiểu theo nghĩa hẹp chỉ có ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi. Còn nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng nó còn bao gồm cả ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

###### *b. Phát triển kinh tế*

Phát triển kinh tế là một quá trình thay đổi theo hướng hoàn thiện về mọi mặt của nền kinh tế. Mục tiêu của sự phát triển là không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống vật chất, văn hoá, tinh thần của con người.

###### *c. Phát triển bền vững*

Phát triển bền vững là sự phát triển trong đó kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa ba mặt của sự phát triển là kinh tế, xã hội và môi trường nhằm thoả mãn được nhu cầu xã hội hiện tại nhưng không tổn tại tới sự thoả mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai.

###### *d. Phát triển bền vững nông nghiệp*

Phát triển bền vững nông nghiệp là quá trình phát triển theo hướng tăng lên của năng suất cây trồng, vật nuôi, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng ngày càng cao trong khi khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, không tổn tại đến môi trường nhằm thoả mãn nhu cầu hiện tại ngày càng tăng về sản phẩm nông nghiệp, đồng thời không làm giảm khả năng ấy đối với các thế hệ mai sau.

##### 1.1.2. Những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp được tiến hành trên địa bàn rộng lớn, phức tạp, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên mang tính khu vực rõ rệt.

- Trong nông nghiệp, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu không

thể thay thế được.

- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cơ thể sống - cây trồng và vật nuôi.

- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

- Sản xuất nông nghiệp chậm phát triển, phát triển mang tính chất phân tán, lạc hậu.

### **1.1.3. Ý nghĩa của phát triển bền vững nông nghiệp**

#### ***a. Về kinh tế***

Phát triển của nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển kinh tế của đất nước và tốc độ tăng trưởng GDP.

#### ***b. Về xã hội***

Nông nghiệp sản xuất và cung cấp những sản phẩm tiêu dùng thiết yếu, có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của loài người như lương thực, thực phẩm.

#### ***c. Về môi trường***

Phát triển nông nghiệp còn có ý nghĩa trong việc cải tạo và bảo vệ môi trường tự nhiên.

## **1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP**

### **1.2.1. Phát triển về kinh tế**

#### ***a. Tăng trưởng về quy mô các cơ sở sản xuất***

- Sự thay đổi về lượng của nền kinh tế đòi hỏi phải góp phần làm tăng trưởng quy mô của nền sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp phải làm gia tăng số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp góp phần tạo ra nhiều nông sản đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

#### ***b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tạo ra một cơ cấu kinh tế tiên bộ hơn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Phát triển bền vững nông nghiệp phải hình thành các vùng sản

xuất nông nghiệp hàng hóa với quy mô lớn, tạo ra sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất, sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất một cách hợp lý góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế địa phương.

- Sự chuyển dịch phải đảm bảo theo tăng giá trị sản xuất ở những sản phẩm có giá trị, hiệu quả kinh tế cao phù hợp với việc khai thác tiềm năng và lợi thế của vùng.

### ***c. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực***

Nguồn lực đất đai; nguồn lực lao động; nguồn lực vốn

### ***d. Gia tăng kết quả và hiệu quả kinh tế***

- Đảm bảo kết quả và hiệu quả kinh tế của sản xuất nông nghiệp không ngừng tăng lên.

- Sử dụng các yếu tố sản xuất như giống, thức ăn, thuốc phòng trừ dịch bệnh, máy móc thiết bị, phương thức tổ chức sản xuất ...

### ***e. Tiêu chí đánh giá***

Phát triển bền vững về kinh tế cần phải đáp ứng các tiêu chí cụ thể sau: Tổng số cơ sở sản xuất (cơ sở); tỷ lệ cơ sở sản xuất nông nghiệp so với tổng số hộ dân của huyện (%); cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp (%); tỷ lệ diện tích đất sử dụng, chưa sử dụng so với tổng DTTN; số lượng, chất lượng cơ cấu lao động trong ngành nông nghiệp; năng suất lao động = giá trị sản xuất/ số lao động; mức độ đáp ứng nhu cầu vốn; giá trị sản xuất ngành trồng trọt; giá trị sản xuất ngành chăn nuôi; tốc độ phát triển giá trị sản xuất; găng suất = sản lượng sản phẩm nông nghiệp/ diện tích đất sử dụng. Hay: năng suất = giá trị hàng hóa thu được / diện tích sử dụng đất.

## **1.2.2. Phát triển về mặt xã hội**

Phát triển về xã hội là tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo công bằng xã hội.

### ***a. Giải quyết lao động và việc làm***

Phát triển phải góp phần giải quyết lao động và việc làm cho người lao động, giảm thiểu thất nghiệp, tạo ra nhiều cơ hội về công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động từng bước nâng cao thu nhập và

chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

### ***b. Thực hiện công bằng xã hội***

Quá trình phát triển bền vững nông nghiệp phải tạo điều kiện cho mọi người, nhất là những người trong hoàn cảnh khó khăn đều có cơ hội tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, thông tin... mang tính an sinh xã hội luôn giữ một vai trò rất quan trọng.

### ***c. Tăng thu nhập và góp phần xóa đói, giảm nghèo***

Phát triển bền vững nông nghiệp phải đòi hỏi phải nâng cao thu nhập cho người lao động. Phát triển bền vững nông nghiệp phải tạo điều kiện cho nông dân, tạo ra thu nhập, phát triển sản xuất, ổn định đời sống, làm giàu chính đáng của họ chủ yếu vẫn gắn với hoạt động của nông nghiệp.

### ***d. Tiêu chí đánh giá***

Phát triển về xã hội cần phải đáp ứng các tiêu chí cụ thể sau:

- Về giải quyết lao động và việc làm: tỷ lệ lao động có việc làm; tỷ lệ gia tăng việc làm; hệ số tăng việc làm; tỷ lệ thất nghiệp.

- Về thực hiện công bằng xã hội: số bác sĩ/ 1 vạn dân; số giường bệnh/ 1 vạn dân; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; tuổi thọ trung bình; tỷ lệ người nghèo được khám chữa bệnh; tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi; số giáo viên/ 1000 học sinh; tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội; tỷ lệ hộ nghèo có bảo hiểm y tế; tỷ lệ người trưởng thành đạt mức THCS; tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành.

- Tăng thu nhập và góp phần xóa đói, giảm nghèo: mức thu nhập bình quân hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo và mức giảm nghèo

### **1.2.3. Phát triển về mặt môi trường**

Phát triển về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường. Góp phần đảm bảo việc khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, đảm bảo sự bền



vững về tài nguyên và môi trường trong nông nghiệp. Để phát triển về môi trường cần phải thực hiện các nội dung sau:

#### ***a. Bảo vệ đất***

Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế trong sản xuất nông nghiệp để tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu của con người. Trong quá trình canh tác phải áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế như: sạt lở, xói mòn, rửa trôi, ngập úng, ô nhiễm đất và thường xuyên cải tạo tăng độ phì nhiêu cho đất...

#### ***b. Bảo vệ nguồn nước***

Nước là nguồn tài nguyên không thể thiếu cho nhu cầu sản xuất và sự tồn tại của con người. Tài nguyên nước là thành phần chủ yếu của môi trường sống, quyết định sự thành công trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia. Hiện nay nguồn tài nguyên thiên nhiên quý hiếm và quan trọng này đang phải đối mặt với nguy cơ ô nhiễm và cạn kiệt. Nguy cơ thiếu nước, đặc biệt là nước ngọt và sạch là một hiểm họa lớn đối với sự tồn vong của con người cũng như toàn bộ sự sống trên trái đất. Do đó con người cần phải nhanh chóng có các biện pháp bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước.

#### ***c. Bảo vệ môi trường sinh thái***

Phát triển bền vững nông nghiệp phải gắn chặt với việc bảo vệ môi trường sinh thái, hoạt động sản xuất nông nghiệp phải giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường, ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ đa dạng sinh học.

#### ***d. Tiêu chí đánh giá***

Phát triển về môi trường cần phải đáp ứng các tiêu chí cụ thể sau: độ màu mỡ của đất nông nghiệp, độ nhiễm mặn của đất; tỷ lệ mẫu nước không đạt tiêu chuẩn vi sinh vật; tỷ lệ mẫu nước không đạt tiêu chuẩn lý

hóa; giá trị các thông số cơ bản trong không khí; giá trị các thông số cơ bản trong nước; diện tích rừng bị phá và khôi phục trở lại.

***e. Mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành sự phát triển nông nghiệp bền vững***

Phát triển bền vững nông nghiệp thì cả ba khía cạnh chủ yếu liên quan đến đời sống của con người về kinh tế, xã hội, môi trường phải được tổng hòa, kết hợp, lồng ghép với nhau trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

**1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP**

**1.3.1. Điều kiện tự nhiên**

*a. Địa hình, đất đai, thổ nhưỡng*

*b. Thời tiết, khí hậu*

*c. Nguồn nước*

**1.3.2. Điều kiện xã hội**

*a. Dân số, dân tộc, lao động tập quán xã hội*

*b. Truyền thống, tập quán, văn hóa*

**1.3.3. Điều kiện kinh tế**

*a. Nguồn nhân lực*

*b. Nhân tố thị trường*

*c. Vốn đầu tư và kết cấu hạ tầng*

*d. Khoa học kỹ thuật và công nghệ*

*e. Các chính sách*

**14. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NỀN NÔNG NGHIỆP**

- Kinh nghiệm phát triển bền vững nông nghiệp của huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH THỜI GIAN QUA

#### 2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

##### 2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

- Thuận lợi: diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao; vị trí địa lý, địa hình khá thuận lợi; hệ thống sông ngòi dày đặc cung cấp lượng nước dồi dào cho sản xuất nông nghiệp; hàng năm có lượng lớn đất phù sa màu mỡ ở thượng nguồn đổ về các vùng đồng bằng, thích hợp cho việc thâm canh trồng lúa, rau màu các loại; có nhiều diện tích đất ở vùng trung du, vùng gò đồi thuận lợi cho việc phát triển cây cao su và phát triển các trang trại chăn nuôi.

- Khó khăn: Địa hình phân bố hẹp và dốc, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, mùa mưa lũ gây lũ lụt và xói mòn.

##### 2.1.2. Đặc điểm xã hội

Nguồn lao động tại huyện Lệ Thủy rất dồi dào, tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp chiếm rất lớn trong tổng số lao động tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp đây cũng là lợi thế to lớn, được thể hiện qua bảng 2.1.

**Bảng 2.1: Số lượng và cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế huyện Lệ Thủy năm 2012**

Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ so với tổng số lao động (%)
<b>Tổng số lao động</b>	<b>90.017</b>	
- Nông - Lâm - Thủy sản	76.303	84,77
+ <i>Nông nghiệp</i>	49.820	55,35

Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ so với tổng số lao động (%)
+ Lâm nghiệp	21.829	24,25
+ Thủy sản	4.654	5,17
- Công nghiệp, xây dựng	6.760	7,51
- Thương nghiệp- vận tải - dịch vụ	6.954	7,73

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Lệ Thủy)

### 2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Kinh tế đạt tốc độ phát triển giá trị sản xuất các ngành kinh tế huyện Lệ Thủy trung bình giai đoạn 2008 – 2012 khá cao là 12,59%. Cơ cấu kinh tế huyện Lệ Thủy đang chuyển dịch theo hướng ngày càng giảm tỷ lệ giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ lệ công nghiệp và dịch vụ, điều đó được thể hiện qua bảng 2.2.

**Bảng 2.2: Giá trị SX các ngành kinh tế trên địa bàn huyện**

Chỉ tiêu	Giá trị sản xuất (tỷ đồng)					Tốc độ PTBQ (%)
	2008	2009	2010	2011	2012	
Toàn huyện	1.697,04	1.964,80	2.182,40	2.869,55	3.079,94	12,59
Nông - lâm - thủy sản	9.45,90	1.018,22	1.096,15	1.504,51	1.497,81	9,58
Công nghiệp - Xây dựng	179,97	236,62	218,54	263,47	2.98,51	6,68
Thương nghiệp - D. vụ	571,16	709,96	8.67,72	1.101,57	1.283,63	17,60

(Nguồn: Niên Giám Thống kê huyện Lệ Thủy 2008 - 2012)

## 2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN LỆ THỦY THỜI GIAN QUA

### 2.2.1. Thực trạng phát triển về kinh tế

#### a. Tăng trưởng về quy mô các cơ sở sản xuất

Số lượng hộ sản xuất nông nghiệp đa số ngày càng giảm, tốc

độ phát triển bình quân hàng năm của hộ sản xuất nông nghiệp là 99,19%.

### ***b. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp giai đoạn 2008 - 2012 theo hướng tích cực, được thể hiện ở bảng 2.3.

**Bảng 2.3: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp**

ĐVT: %

<b>Ngành</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>
Toàn ngành	100	100	100	100	100
Trồng trọt	56,82	54,43	54,41	53,42	51,63
Chăn nuôi	43,08	44,52	44,51	45,36	46,73
Dịch vụ	1,10	1,05	1,08	1,22	1,64

*Nguồn: Niên Giám Thống kê huyện Lệ Thủy 2008 - 2012*

Qua bảng 2.3 cho thấy, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp theo hướng tích cực, khá hợp lý nhưng tỷ trọng giá trị sản xuất ngành dịch vụ vẫn còn quá thấp trong cơ cấu ngành nông nghiệp, bình quân giai đoạn 2008 - 2012 chỉ chiếm 1,22%. Trong khi giá trị sản xuất ngành trồng trọt vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao, bình quân giai đoạn 2008 - 2012 là 54,14%. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi được cho là khá ổn định và phù hợp với cơ cấu phát triển kinh tế huyện Lệ Thủy, bình quân giai đoạn 2008-2012 là 44,84%.

### ***c. Sử dụng hiệu quả nguồn lực***

- *Tình hình sử dụng đất nông nghiệp*

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, tỷ trọng diện tích đất nông nghiệp bình quân giai đoạn 2008 - 2012 chiếm 14,07%. Nhìn chung các năm từ 2008 đến năm 2012 diện tích đất nông - lâm - thủy sản, diện tích đất sản xuất nông nghiệp và diện tích đất phi nông nghiệp ngày càng tăng, được thể hiện trong

bảng 2.4 như sau.

**Bảng 2.4: Diện tích đất theo mục đích sử dụng qua các năm**

ĐVT: ha

Loại đất	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng diện tích đất tự nhiên	141.611,41	141.611,41	141.611,41	141.611,41	141.611,41
Đất nông - lâm - thủy sản	126.399,86	126.399,86	127.412,66	127.396,03	127.490,53
- Nông nghiệp	16.833,35	16.833,35	21.779,06	21.743,29	22.454,11
Đất phi NN	9.428,95	9.428,95	9.764,97	9.803,19	9.779,07
Đất chưa sử dụng	5.782,60	5.782,60	4.433,78	4.412,19	4.341,81

*Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Lê Thủy năm 2008 - 2012*

*- Tình hình sử dụng lao động*

Lao động của ngành nông nghiệp huyện Lê Thủy rất dồi dào nhưng chất lượng lao động còn rất thấp, được thể hiện qua bảng 2.5.

**Bảng 2.5: Trình độ lao động ngành nông nghiệp**

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng số lao động	54.164	54.337	54.103	49.807	49.820
Chưa qua đào tạo	49.330	49.237	48.827	44.378	43.667
Trình độ sơ cấp, tập huấn	1.668	1.793	1.867	1.875	1.943
Trình độ trung cấp	1.778	1.848	1.894	1.911	1.967
Trình độ c. đẳng, Đ. học	1.388	1.459	1.515	1.643	2.243

*Nguồn: Phòng Kinh tế Nông nghiệp huyện Lê Thủy*

Qua bảng 2.5 cho thấy lao động trong ngành nông nghiệp giảm nhanh chóng, năm 2008 là 54.164 người, năm 2012 chỉ còn 49.582 người. Nguyên nhân là do thu nhập không ổn định nên số lao động trong ngành nông nghiệp có xu hướng chuyển sang những ngành nghề có mức thu nhập cao hơn để cải thiện cuộc sống. Tỷ trọng lao động chưa qua đào tạo quá cao, bình quân giai đoạn 2008 – 2012 chiếm 89,77%.

*- Tình hình sử dụng vốn*

Nguồn vốn được huy động và cung ứng cho phát triển nông

ng nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách, vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn của các chương trình dự án trong nước và tổ chức quốc tế, vốn vay ngân hàng. Nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp nói riêng được thể hiện ở bảng 2.6 như sau:

**Bảng 2.6: Vốn đầu tư cho nông nghiệp huyện Lệ Thủy qua các năm**

Năm	Tổng số vốn đầu tư	Trong đó đầu tư cho nông nghiệp	
		Tổng số (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng</b>	<b>2.037,54</b>	<b>715,6</b>	<b>35,12</b>
2008	294,38	59,27	20,13
2009	498,01	79,31	15,93
2010	452,93	194,05	42,84
2011	390,65	167,30	42,83
2012	401,57	215,67	53,70

*Nguồn: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Lệ Thủy*

Từ bảng 2.6 cho thấy tổng số vốn đầu tư phát triển huyện Lệ Thủy giai đoạn 2008 – 2012 là 2.037,54 tỷ, trong đó đầu tư cho nông nghiệp là 715,6 tỷ đồng. Mặc dù đầu tư cho nông nghiệp năm sau cao hơn năm trước rất nhiều, song vốn đầu tư cho nông nghiệp bình quân hàng năm chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp 35,12%, chưa tương xứng với đóng góp của ngành nông nghiệp của huyện nhà.

#### ***d. Gia tăng kết quả và hiệu quả kinh tế***

Nông nghiệp huyện đã cung cấp một khối lượng đáng kể về lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng xã hội mang lại một lượng giá trị sản xuất lớn cho ngành nông nghiệp những năm qua được thể hiện trong bảng 2.7. Giá trị sản xuất nông nghiệp huyện Lệ Thủy ngày càng tăng, tốc độ phát triển bình quân về giá trị sản xuất ngành nông nghiệp huyện Lệ Thủy giai đoạn 2008 – 2012 là 109,58%, bình quân hàng năm tăng 9,58%.

**Bảng 2.7: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp huyện Lệ Thủy**  
ĐVT: Tỷ đồng

Ngành	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng số	945,90	1.018,22	1.096,15	1.504,51	1.497,81
Trồng trọt	537,42	554,19	620,89	803,73	773,35
Chăn nuôi	398,02	453,29	460,79	862,50	699,90
Dịch vụ	10,47	10,74	14,47	18,29	24,55

*Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Lệ Thủy năm 2008 – 2012*

Hầu như sản lượng cây trồng đều tăng qua các năm, tăng đều nhất là lúa, rau các loại, lạc và ớt.

Đàn bò, đàn lợn, đàn dê, đàn gia cầm đều tăng qua các năm, tuy nhiên đàn trâu ngày càng giảm về số lượng, với tốc độ phát triển bình quân giai đoạn 2008 – 2012 là 98,13%, bình quân hàng năm giảm 1,39%. Nguyên nhân là đàn trâu chịu thời tiết khắc nghiệt kém; nhu cầu thịt trâu trên thị trường giảm...

Hiệu quả kinh tế việc sản xuất nông nghiệp nhìn chung ngày càng tăng. Hiệu quả sản xuất trên một ha đất giai đoạn 2008 – 2012 đạt được những kết quả cao, được thể hiện trong bảng 2.8.

**Bảng 2.8: Hiệu quả kinh tế của ngành sản xuất nông nghiệp**

Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Giá trị SX (triệu)	Giá trị SX/DT (triệu đồng/ ha)
2008	16.833,35	945.900	56,20
2009	16.833,35	1.018.220	60,49
2010	21.779,06	1.096.150	50,33
2011	21.743,29	1.504.510	69,19
2012	22.454,11	1.497.810	66,71

*Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Lệ Thủy năm 2008 – 2012*

Qua bảng 2.8 cho thấy tốc độ phát triển bình quân về giá trị sản xuất/1 đơn vị diện tích giai đoạn này là 103,54%, bình quân hàng năm tăng 3,54%, năm 2008 giá trị sản xuất/ 1 đơn vị diện tích là



56,20 triệu/ha, năm 2012 là 66,71 triệu/ha, tăng 11,51 triệu/ha.

## **2.2.2. Thực trạng phát triển về xã hội**

### **a. Giải quyết lao động việc làm**

Số lượng lao động trong ngành nông nghiệp ngày càng giảm, tốc độ phát triển bình quân về số lượng lao động trong ngành nông nghiệp giai đoạn 2008 – 2012 là 98,35%, tức bình quân hàng năm giảm 2,07%.

### **b. Thực hiện công bằng xã hội**

- *Về y tế:* Số cơ sở khám chữa bệnh, số bác sỹ, số giường bệnh ngày càng tăng. Năm 2012 số lượng bác sỹ gấp 1,46 lần so với năm 2008. Số giường bệnh tăng từ 288 giường năm 2008 lên 330 giường năm 2012. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em giảm qua các năm, năm 2008 tỷ lệ suy dinh dưỡng là 23,52% đến năm 2012 giảm xuống còn 12,07%. Nhìn chung chất lượng, dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện đáp ứng được yêu cầu của người dân.

- *Về giáo dục:* Mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp trên toàn huyện với 98 trường học ở 4 bậc học, các loại hình trường, lớp ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn. Số lượng trường học, giáo viên ngày càng tăng. Đặc biệt chất lượng giáo dục ngày càng tăng thông qua các chỉ tiêu tỷ lệ giáo dục.

### **c. Tăng thu nhập và góp phần xóa đói, giảm nghèo**

- Thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, cụ thể năm 2008 là 5,45 triệu đồng/ người/ năm, đến năm 2012 tăng lên 7,95 triệu đồng/ người/ năm, tăng 1,45 lần so với năm 2008, góp phần nâng cao đời sống người dân của huyện Lệ Thủy.

- Về xóa đói, giảm nghèo: trong các năm từ 2008 – 2012 nhìn chung tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm. Cụ thể năm 2008 toàn huyện có 6.180 hộ nghèo, chiếm 18,05% tổng số hộ; giảm dần qua các năm, đến năm 2012 có 3.943 hộ, chiếm 10,79% tổng số hộ; trong vòng 05 năm đã giảm giảm 2.237 hộ.

## **2.2.3. Thực trạng phát triển về môi trường**

### ***a. Bảo vệ đất***

Một số khu vực canh tác rau, lúa nước của huyện Lệ Thủy có độ chua vượt mức cho phép với độ pH > pH đất đối chứng và có xu hướng kiềm (lớn hơn 6,3). Nguyên nhân do nông dân sử dụng vôi bón lót với liều lượng lớn với mục đích sát trùng đất. Hàm lượng chất hữu cơ (OM) trong đất dao động từ 1,75-7,75% tùy theo từng vùng.

Nhìn chung, đất nông nghiệp ở huyện Lệ Thủy bị ô nhiễm và bị xói mòn đang ở mức độ thấp.

### ***b. Bảo vệ nguồn nước***

Hiện nay nguồn nước trên địa bàn huyện Lệ Thủy bị ô nhiễm ở mức nhẹ nhưng cũng gây khó khăn cho đời sống sinh hoạt, sức khỏe của người dân, do đó cần có một số biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

### ***c. Bảo vệ môi trường sinh thái***

Môi trường không khí đang dần bị ô nhiễm do bụi, chất thải từ các công trình khai thác khoáng sản; khai thác cát trái phép ở các sông vẫn tái diễn, khai thác các mỏ ti tan ở các xã ven biển diễn ra bừa bãi; tình trạng khai thác rừng, đốt, phá rừng đầu nguồn làm nương rẫy vẫn tiếp diễn.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

### ***2.3.1. Thành công và hạn chế***

#### ***a. Thành công***

Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp cao và liên tục, từ năm 2008 đến năm 2012 giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện Lệ Thủy tăng trưởng trung bình với tốc độ 9.58%/ năm. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng. Các nguồn lực về đất đai, tài nguyên, lao động sử dụng có hiệu quả; năng suất cây trồng, vật nuôi nâng cao; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các lĩnh vực, các sản phẩm trong nông nghiệp, nông thôn được cải thiện; đã từng bước gắn sản xuất với chế

biển và thị trường tiêu thụ.

Đã hình thành các vùng sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi theo hướng tập trung, tăng nhanh về các mặt hàng xuất khẩu.

### ***b. Hạn chế***

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra cơ sở trong việc thực hiện công tác nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nơi chưa được thường xuyên liên tục.

Điều kiện tự nhiên khá khắc nghiệt, mùa khô nắng nóng gây gát kèm theo gió Lào, mùa mưa thì mưa nhiều dẫn đến thiên tai lụt lội làm cho quá trình phát triển bền vững nông nghiệp của huyện gặp nhiều khó khăn.

Sản xuất nông nghiệp ở huyện Lệ Thủy nhìn chung còn manh mún, công nghệ lạc hậu.

Kết cấu hạ tầng nông thôn nhìn chung vẫn còn yếu và thiếu.

### ***2.3.2. Nguyên nhân hạn chế***

Nhận thức của cấp ủy, chính quyền một số địa phương, của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về nông nghiệp, về phát triển bền vững nông nghiệp chưa đầy đủ, toàn diện.

Việc quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực chưa rõ nét, sản xuất nông nghiệp còn mang tính mùa vụ. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nhìn chung còn thiếu. Tiêu thụ nông sản đang là khâu ách tắc.

Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ an sinh xã hội còn nhiều bất cập; dung lượng thời gian đào tạo nghề vẫn còn nặng về lý thuyết, chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động của địa phương. Việc tiếp cận vốn tín dụng sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Trình độ của người lao động nông nghiệp thấp, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao, chất lượng nguồn lao động thấp, trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở hạn chế.

Người dân khu vực nông thôn, miền núi và đồng bào dân tộc ít người, trình độ dân trí thấp; khó có điều kiện, cơ hội để tiếp cận với khoa học công nghệ, với các dịch vụ y tế, giáo dục.

**CHƯƠNG 3****GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP  
HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH THỜI GIAN TỚI****3.1. CĂN CỨ CHO VIỆC XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP****3.1.1. Căn cứ vào sự biến động các yếu tố môi trường**

Chất lượng môi trường nhìn chung ngày càng có sự xuống cấp, xuất hiện tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất và ô nhiễm không khí.

**3.1.2. Xuất phát từ tiềm lực nông nghiệp huyện Lệ Thủy**

Phát triển nông nghiệp bền vững, với thế mạnh sẵn có về vị trí, điều kiện tự nhiên thuận lợi, nguồn lao động còn dồi dào và trình độ kỹ thuật đang được nâng cao.

**3.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát huy những lợi thế so sánh và nâng cao năng lực cạnh tranh; thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế trong điều kiện hội nhập.

Phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp theo hướng bền vững, tăng giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp trên thị trường.

Phát triển nông – lâm – thủy sản theo hướng bền vững.

**3.1.4. Các quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp**

Con người là trung tâm của phát triển bền vững nông nghiệp.

Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển sắp tới, đảm bảo an ninh lương thực, năng lực để phát triển bền vững, bảo đảm vệ sinh và an toàn thực phẩm cho nhân dân.

Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là một yêu tố không thể tách rời của quá trình phát triển.

Quá trình phát triển phải đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thể hệ hiện tại và không gây trở ngại với cuộc sống thế hệ tương lai.

Phát triển bền vững nông nghiệp là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền các bộ ngành địa phương.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

### **3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

#### **3.2.1. Giải pháp về phát triển kinh tế**

##### ***a. Tiến hành quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất***

Tổng kiểm kê đánh giá lại hiện trạng sử dụng đất đai nhằm có biện pháp thu hồi đất bỏ hoang, không sử dụng bổ sung cho quỹ đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Kế hoạch sử dụng đất phải được xây dựng linh hoạt, phù hợp với thay đổi của điều kiện khách quan.

Chính quyền cấp xã thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của mình đối với đất đai theo địa bàn hành chính thuộc thẩm quyền.

Diện tích đất đang được sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động kinh tế khác cần phải được rà soát, xem xét, đánh giá về hiệu quả sử dụng hàng năm, trên cơ sở đó đề ra những biện pháp.

- Điều chỉnh các hoạt động sử dụng đất kém hiệu quả sang các hoạt động sử dụng có hiệu quả hơn.

- Gắn việc sử dụng đất với bảo vệ nguồn lợi tự nhiên trong lòng đất như nguồn nước ngầm, khoáng sản... và các vi sinh vật tự nhiên dưới mặt nước.

- Công khai kế hoạch và cụ thể hóa các điều kiện sử dụng các loại đất ở từng xã.

***b. Đẩy mạnh chương trình “dồn điền, đổi thửa” để sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai***

Nhanh chóng điều tra xác định độ manh mún của ruộng đất để có kế hoạch tổ chức cho nông dân tiếp tục dồn điền đổi thửa theo nguyên tắc trao đổi tự nguyện giữa nông dân với nhau.

Phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu về bản đồ từng khu đất, thửa ruộng, các thông tin về diện tích năng suất, sản lượng, thuế suất của các năm trước đối với từng loại đất ở từng cánh đồng, thửa ruộng để người dân làm cơ sở thương lượng trao đổi.

Để thuận lợi cho công việc này, nên chia đất thành 2 – 3 loại đồng thời phải vận động được tất cả các gia đình có ruộng đất liền kề trên các cánh đồng cùng tham gia.

***c. Tăng cường các nguồn vốn cho nông nghiệp***

- Từ ngân sách: Cần quy hoạch, mở rộng và lập các dự án phát triển sản xuất, các mô hình kinh tế để từ đó thu hút được nguồn vốn từ ngân sách, cùng với việc tăng ngân sách Nhà nước.

- Từ tín dụng: Cần phải có cơ chế hoạt động mới của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ngân hàng Chính sách xã hội, đổi mới các hệ thống lãi suất cho vay, thời gian thu hồi vốn, thủ tục cũng như điều kiện để người dân dễ tiếp cận nguồn vốn của các dự án chương trình...

- Vốn tự có: Các hộ nông dân nên chuyển vốn tiết kiệm, tích lũy tiền mặt sang đầu tư các lĩnh vực mà phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và đạt hiệu quả cao.

Khuyến khích các cơ sở sản xuất huy động vốn trong gia đình, bạn bè người thân để đầu tư phát triển từ nguồn nội lực.

***d. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

Mở rộng các loại hình đào tạo, đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo tại các cơ sở sản xuất lớn, đặc biệt quan tâm nhiều hơn đối với lao động tay nghề kỹ thuật cho người lao động. Kết hợp chặt chẽ đào tạo

nghề và giới thiệu việc làm, đảm bảo đại bộ phận lao động qua đào tạo được bố trí làm việc đúng ngành nghề.

- Đối với người lao động: Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông thôn phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá.

- Đối với cán bộ: Thực hiện tốt chính sách đào tạo, đãi ngộ, thu hút cán bộ khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp. Có chính sách thu hút, khuyến khích các sinh viên đại học mới tốt nghiệp về công tác tại địa bàn nông nghiệp, nông thôn.

- Quản lý sử dụng hợp lý cán bộ ngành nông nghiệp và PTNT phù hợp với chuyên môn đào tạo; tăng cường cán bộ xuống cơ sở, đặc biệt là tăng cường cán bộ ngành cho các xã vùng cao.

#### ***e. Nâng cao nhận thức về phát triển bền vững***

Nâng cao nhận thức của toàn dân và lãnh đạo các cấp về tầm quan trọng và những yêu cầu của phát triển bền vững nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng, nhanh chóng trở thành quan điểm nhất quán trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Cần có những giải pháp cụ thể: như thông qua hoạt động tuyên truyền, tổ chức hội thi về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, ...

Khuyến khích và thu hút các sinh viên, lao động tri thức về công tác tại các xã vùng khó khăn, tổ chức các hoạt động tình nguyện, chiến dịch vì môi trường...

#### ***f. Ứng dụng khoa học và công nghệ vào trong sản xuất nông nghiệp.***

*Thứ nhất*, tập trung nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ với sự kết hợp nhiều trình độ, nhiều quy mô, sử dụng triệt để những thành tựu công nghệ hiện có, công nghệ truyền thống.

*Thứ hai*, các nghiên cứu lai tạo giống cây trồng vật nuôi cần phải

phát triển mạnh và có những kết quả tốt để phục vụ cho huyện.

*Thứ ba*, khuyến khích bà con nông dân cơ giới hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá đồng ruộng bằng cách tập trung ruộng đất lại để thực hiện tốt và để thu được kết quả chính xác hơn trong nghiên cứu.

*Thứ tư*, huyện cần đầu tư tập trung nghiên cứu và đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ trước, trong và sau thu hoạch để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, con vật nuôi và từ đó làm tăng giá trị của sản phẩm.

### **3.2.2. Giải pháp về phát triển xã hội**

#### ***a. Đẩy mạnh giải quyết việc làm***

Để làm tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, các cấp, các ngành cần nhận thức vai trò, vị trí của việc dạy nghề đối với giải quyết việc làm, tăng thu nhập. Công tác dạy nghề góp phần rất lớn trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đây là yếu tố có tính quyết định để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

#### ***b. Nâng cao thu nhập, giảm nghèo và khoảng cách giàu nghèo***

Cải thiện đời sống hộ nghèo, giảm dần khoảng cách chênh lệch thu nhập, mức sống giữa các vùng, giữa các thành phần dân tộc; thực hiện tốt công tác xoá nhà tạm, chính sách cho người nghèo,...

Thực hiện tốt chương trình an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế, giáo dục pháp lý, đảm bảo sự tiến bộ, công bằng và phát triển bền vững về mặt xã hội.

#### ***c. Nâng cao chất lượng phục vụ trong lĩnh vực y tế***

Tiếp tục củng cố xây dựng mạng lưới y tế xã đạt chuẩn Quốc gia, nâng cao mức độ khám và chữa bệnh, phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trẻ em xuống còn 6%. Cùng với tinh có chính sách hiệu quả hơn để thu hút, ưu tiên tiếp cận cán bộ có trình độ bác sĩ để về làm việc. Tiếp tục thực hiện các biện pháp để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ chết dưới 5 tuổi.



***d. Nâng cao chất lượng dạy và học trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo***

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của nhà trường, nhất là công việc giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho giáo dục, thực hiện tốt việc tự chủ nguồn kinh phí đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy – học để vừa điều hòa hợp lý cho các trường vừa ưu tiên xây dựng trường chuẩn.

Tăng cường đầu tư, quản lý, nâng cao năng lực hiệu quả trung tâm dạy nghề cấp huyện.

**3.2.3. Giải pháp về phát triển môi trường**

- Xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi "sạch", hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi.

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong ngành nông nghiệp.

- Giám sát chặt chẽ sử dụng các hoá chất dùng trong nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đúng liều lượng.

- Từng bước phát triển nền nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ.

- Ưu tiên đầu tư phát triển và bảo vệ rừng cũng như các biện pháp hoàn nguyên môi trường ở những khu vực đã bị sa mạc hoá, các khu vực bị ảnh hưởng mạnh của xói mòn rửa trôi. Quản lý, sử dụng tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Để đảm bảo cho nông nghiệp phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập, chúng ta cần xây dựng và thực hiện các chính sách ngăn cấm việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất, nước, không khí, đảm bảo khai thác hợp lý và phát huy thế mạnh.

- Giải quyết triệt để việc các xí nghiệp, nhà máy thải ra môi trường (đất, nước) các chất thải chưa qua xử lý gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và trình độ khoa học và kỹ thuật của người dân đối với việc bảo vệ, khai thác cũng như phát triển tài nguyên và môi trường.

### **3.3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **3.3.1. Kết luận**

Từ lý luận và tổng kết thực tiễn với những kết quả đã đạt được theo đúng mục tiêu đề ra, tác giả mong rằng luận văn sẽ là một trong những tài liệu tham khảo đối với Huyện ủy, UBND huyện và các ngành chuyên môn trên địa bàn huyện Lê Thủy cũng như địa phương khác trong việc đề ra các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển bền vững nông nghiệp, nhằm xây dựng huyện trở thành một huyện phát triển bền vững nông nghiệp, tương xứng với lợi thế và tiềm năng hiện có của mình.

#### **3.3.2. Kiến nghị**

Vấn đề quan trọng huyện Lê Thủy phải thực hiện đầu tiên là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bởi vì nguồn nhân lực có vai trò quyết định nhất trong tất cả các hoạt động sản xuất.

Cần có chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, trong đó ưu tiên hỗ trợ các loại giống cây con mới có năng suất, chất lượng và giá trị cao.

Khoa học - công nghệ, đây được xem là nhiệm vụ hàng đầu của ngành nông nghiệp trong những năm tới, để nông nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững./.